TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14/01/2025
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phùng Văn Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đỗ Quang Huy và bà Bùi Thị Vân Ngọc

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên -Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn H, xã M, huyện X, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Số 166 ngách 8/11 ngõ 54 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn H, xã M, huyện X, TP. Hà Nội.

Chị H có mặt; anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/9/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Thị H trình bày:

Chị kết hôn với với anh Nguyễn Xuân Đ từ năm 2020 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn Hạ, xã Chuyên Mỹ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Bản thân anh Đô ghen tuông mù quáng, tự tưởng tượng ra việc chị ngoại tình, không cho chị làm việc tại nơi làm việc cũ mà bắt về nhà làm cùng anh Đô tại công ty may mặc Phú Trọng. Kể cả khi vợ chồng đã cùng làm, cùng ở với nhau từ sáng đến tối thì anh Đô vẫn có suy nghĩ chị có quan hệ với người đàn ông khác.... Từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

hôn nhân trở nên khủng hoảng trầm trọng. Đến tháng 8/2024, do không thể chịu đựng được sự ngược đãi, chị đã tự bỏ nhà ra đi và bắt đầu sống ly thân với anh Đô.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và hết sức mệt mỏi nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đô để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị Huế khẳng định đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ:

Anh Đô đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không rõ quan điểm giải quyết vụ kiện.

UBND xã Chuyên Mỹ nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Tại thời điểm giải quyết vụ án, phía anh Nguyễn Xuân Đô vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú bình thường tại địa phương; Qua tìm hiểu được biết, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã.... Khoảng tháng 8/2024, chị Huế đã chuyển ra ngoài sinh sống, không thấy quay về, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. D mâu thuẫn giữa chị Huế, anh Đô đã trầm trọng, không còn tiếng nói chung, hôn nhân bế tắc, không lối thoát... Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét đối chiếu các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình cho vợ chồng chị Huế, anh Đô ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Quá trình chung sống đến nay, vợ chồng chị Huế, anh Đô không có con chung.

Tài sản chung, công nợ của vợ chồng trong thời gian chung sống, UBND xã không nắm rõ song trong suốt thời gian chung sống ở địa phương không thấy có tranh chấp gì về công nợ liên quan đến vợ chồng chị Huế, anh Đô.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Huế; Các vấn đề về con chung, tài sản và công nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Nguyễn Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập phiên toà hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp cố tình lẩn tránh. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh Đô.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Hoàng Thị H kết hôn với anh Nguyễn Xuân Đ từ năm 2020, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội (Đăng ký số 23/2020 ngày 14 tháng 3 năm 2020). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do lấy nhau đã lâu nhưng không có con, lại bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát, to tiếng; Vợ chồng đã tự sống ly thân, không ai có thiện chí quay về đoàn tụ; Quá trình tố tụng,phía anh Đô cố tình không chịu đến Toà án làm việc để hoá giải mâu thuẫn, cải thiện tình cảm, bỏ mặc cho hôn nhân tan vỡ…

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã phát sinh từ lâu, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn, cả từ hai phía không ai muốn đoàn tụ, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức… Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Huế là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không xét.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Huế xác định không có tài sản công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, trong khi anh Đô không có quan điểm, do đó Tòa không xét trong vụ án này. Trường hợp sau này, nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giành quyền khởi kiện trong 01 vụ kiện độc lập khác, để không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền lợi của các bên trong việc kiện.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo*:* Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Không có nên không xét.

3. Về tài sản, công nợ chung: Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0015631 ngày 04/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị Huế đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Xuân Đô có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội*
- *VKSND huyện Phú Xuyên*
- *Chi cục THA huyện Phú Xuyên*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phùng Văn Phong